

Số: /BC-BDT

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO NHANH ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi
(Kỳ báo cáo: giữa kỳ, từ năm 2021 đến năm 2023)

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 1761/UBND-KGVX ngày 21/4/2023 và Công văn số 561/UBND-VPCTMTQG ngày 14/4/2023 của Ủy ban Dân tộc về việc báo cáo nhanh đánh giá giữa kỳ Chương trình MTQG DTTS&MN; Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi báo cáo đánh giá giữa kỳ kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi (*sau đây gọi tắt là Chương trình*) từ năm 2021 đến năm 2023, như sau:

I. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

1. Đánh giá công tác quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình

a) Đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành, điều phối, phối hợp, tổ chức thực hiện Chương trình.

- Để chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện tốt Chương trình trên địa bàn tỉnh; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2025; Trưởng ban Chỉ đạo đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 18/02/2022 ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025; giao Ban Dân tộc tỉnh là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu giúp việc Ban Chỉ đạo về quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Trên cơ sở đó, UBND các huyện thực hiện Chương trình đã Quyết định thành lập BCĐ các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn huyện phân công nhiệm vụ cho Trưởng phòng Dân tộc là ủy viên thường trực theo dõi, tham mưu thực hiện Chương trình (đối với các huyện có tổ chức phòng Dân tộc); Chánh Văn phòng huyện là ủy viên thường trực theo dõi, tham mưu thực hiện Chương trình (đối với các huyện không tổ chức phòng Dân tộc).

- Về cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình: Tại Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 đã giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban ngành và Hội đoàn thể tỉnh chủ trì,

hướng dẫn, tổ chức thực hiện triển khai thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần của Chương trình đảm bảo hiệu quả, tránh chồng chéo; UBND các huyện triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện cho Cơ quan Thường trực Chương trình và các cơ quan chủ trì Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần cấp tỉnh. Ngoài ra, hiện nay Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh với định hướng là đẩy mạnh việc phân cấp cho cấp huyện, xã quản lý, thực hiện. Ngoài ra, UBND tỉnh đã giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tham mưu ban hành Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh với định hướng là đẩy mạnh việc phân cấp cho cấp huyện, xã quản lý, thực hiện các chương trình.

b) Đánh giá việc xây dựng, ban hành và triển khai các cơ chế, chính sách, hướng dẫn thực hiện Chương trình: Để quản lý, tổ chức thực hiện tốt Chương trình, trong thời gian qua, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành 09 Nghị quyết; UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 14 Quyết định; 12 Kế hoạch (*theo phụ lục văn bản ban hành kèm theo*) và nhiều văn bản khác chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh, nhất là tại Công văn số 2482/UBND-KGVX ngày 13/6/2022 giao nhiệm vụ cho các Sở, ngành tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 – 2025. Đến nay, các Sở, ngành được giao nhiệm vụ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành tương đối đầy đủ các nội dung theo yêu cầu; Ban Dân tộc tỉnh cùng các Sở, ngành, địa phương đã chủ động, tích cực tham mưu cho UBND tỉnh trong việc thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh đạt được kết quả tốt.

c) Đánh giá cách thức tổ chức, quản lý thực hiện Chương trình: Công tác tổ chức, quản lý thực hiện trên địa bàn tỉnh đã được thực hiện kịp thời, hiệu quả; các văn bản triển khai thực hiện thuộc thẩm quyền ban hành của tỉnh đã được ban hành tương đối đầy đủ; Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG các cấp đã được thành lập đồng bộ, thống nhất trong toàn tỉnh; công tác lập kế hoạch thực hiện Chương trình trung hạn và hàng năm được đảm bảo; tăng cường phân cấp theo hướng phân cấp cho huyện, cho xã trong huy động nguồn lực, tổ chức thực hiện đảm bảo sự chủ động trong huy động nguồn lực, quản lý các mục tiêu; công tác truyền thông, thông tin về chương trình tiếp tục được chú trọng, thường xuyên đã tạo được sự chuyển biến tích cực trong nhận thức, hành động của các cấp chính quyền cũng như toàn xã hội; công tác hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tiến độ triển khai thực hiện Chương trình được đẩy mạnh...; bên cạnh đó, vẫn còn những tồn tại, hạn chế trong quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình như: việc huy động vốn trong thời gian qua chưa thực hiện được, vốn đối ứng từ ngân sách huyện chưa được bố trí đầy đủ; công tác phối hợp, thông tin, báo cáo còn gặp khó khăn, nhân sự trực tiếp theo dõi, tham mưu thực hiện còn thiếu...

2. Đánh giá kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực thực hiện Chương trình:

a) Đánh giá về kết quả huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực thực hiện Chương trình năm 2022 và năm 2023:

- Vốn đầu tư phát triển là 542.086 triệu đồng, trong đó: ngân sách Trung ương là 500.832 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 41.254 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp là 527.946 triệu đồng, trong đó: ngân sách Trung ương là 473.950 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 53.996 triệu đồng.

Trong đó:

+ Năm 2022: Vốn đầu tư phát triển là 241.924 triệu đồng (*trong đó ngân sách Trung ương là 218.108 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 23.816 triệu đồng¹*); vốn sự nghiệp là 128.266 triệu đồng (*trong đó ngân sách Trung ương là 114.385 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 13.881 triệu đồng²*).

+ Năm 2023: Vốn đầu tư phát triển là 300.162 triệu đồng (trong đó ngân sách Trung ương là 282.724 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 17.438 triệu đồng³) gồm: vốn đã giao tại Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 là 296.651 triệu đồng (*gồm ngân sách Trung ương là 279.404 triệu đồng và ngân sách tỉnh là 17.247 triệu đồng*), vốn chưa phân khai là 3.511 triệu đồng (*gồm ngân sách Trung ương là 3.320 triệu đồng và ngân sách tỉnh là 191 triệu đồng*); vốn sự nghiệp là: 399.680 triệu đồng (*trong đó ngân sách Trung ương là 359.565 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 40.115 triệu đồng⁴*).

+ Vốn vay tín dụng chính sách là 24.100 triệu đồng.

(chi tiết tại phụ lục 02, 03 kèm theo)

b) Đánh giá về cơ chế, chính sách, giải pháp bố trí và phân bổ vốn, lồng ghép vốn thực hiện Chương trình: HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 22/03/2023 Quy định cơ chế lồng ghép các nguồn vốn và huy động nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh. Việc thực hiện lồng ghép phải đảm bảo huy động, khai thác tối đa các nguồn lực, trong đó ưu tiên huy động và khai thác nguồn lực trực tiếp tại địa phương; lựa chọn các dự án đầu tư, hoạt động, nội dung để thực hiện lồng ghép vừa phải lấy mục tiêu chương trình làm trung tâm để thực hiện nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ, tiêu chí của từng chương trình; đồng thời vừa đảm bảo thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án của nhà tài trợ và đảm bảo tính công khai, minh bạch và có sự giám sát của cộng đồng trong quá trình quản lý, sử dụng nguồn lực được huy động. Thực hiện lồng ghép vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các dự án đầu tư, hoạt động, nội dung có cùng mục tiêu, nội dung

1 Tại quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 04/8/2022.

2 Tại Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 và Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 13/10/2022.

3 Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 27/12/2022.

4 Tại Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 23/3/2023.

và trên cùng một địa bàn cấp huyện, cấp xã bảo đảm nguồn vốn ngân sách nhà nước được giao phù hợp với chương trình mục tiêu quốc gia. Tập trung, ưu tiên lồng ghép nguồn vốn để đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; kết hợp thực hiện các dự án tạo tính lan toả, phát huy lợi thế của từng địa phương.

c) Đánh giá về cơ chế quản lý tài chính, thanh quyết toán các dự án, tiểu dự án, hoạt động thuộc Chương trình: Được thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chương trình của các Bộ, ngành Trung ương và các quy định hiện hành.

3. Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu và chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình: Kết quả thực hiện một số các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình (*chi tiết tại phụ lục 04 kèm theo*).

4. Đánh giá tác động và hiệu quả đầu tư của Chương trình

a) Đánh giá tác động kinh tế - xã hội của Chương trình: Chương trình được triển khai thực hiện từ giữa cuối năm 2022 đến nay, mặc dù trong thời gian ngắn nhưng đã có nhiều tác động tích cực đến kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN của tỉnh; Chương trình đã thúc đẩy nhanh hơn, bền vững hơn về mục tiêu giảm nghèo, nâng cao thu nhập cho người dân; đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng cao, kinh tế vùng đồng bào DTTS&MN tiếp tục tăng trưởng, mục tiêu giảm hộ nghèo đạt kết quả tốt...; đến nay, có 06 xã⁽⁵⁾ đạt tiêu chí nông thôn mới, đạt tỷ lệ 8,2%; 100% xã có điện lưới quốc gia; Hệ thống giao thông ở vùng đồng bào DTTS&MN cơ bản đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của người dân; mạng lưới giao thông từ huyện đến xã, thôn đang từng bước được cải thiện, 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa hóa, cứng hóa; 95,5% thôn, tổ dân phố có nhà sinh hoạt cộng đồng, phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao diễn ra sôi nổi, rộng khắp; Công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc luôn được quan tâm.

b) Đánh giá tác động về môi trường, sinh thái của Chương trình: Bảo vệ môi trường, cảnh quan, sinh thái là một trong những nhiệm vụ quan trọng để nâng cao chất lượng đời sống người dân, đưa Chương trình thực sự đi vào chiều sâu và bền vững; do đó, trong những năm qua thực hiện Chương trình MTQG nông thôn mới đã đạt được những kết quả tốt về tiêu chí môi trường, cảnh quan sinh thái, môi trường nông thôn được đảm bảo; tỷ lệ đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 78,3%; tỷ lệ hộ DTTS được sử dụng hố xí hợp vệ sinh đạt 53,2%.

c) Đánh giá hiệu quả đầu tư, tính bền vững của Chương trình: Việc triển khai Chương trình trên địa bàn tỉnh thời gian qua gặp nhiều khó khăn (thời gian triển khai ngắn; còn nhiều vướng mắc về cơ chế, chính sách; việc giải ngân vốn năm 2022 chưa đạt được kết quả cao). Tuy nhiên, việc thực

⁽⁵⁾ Các xã: Ba Cung (huyện Ba Tơ), Long Sơn, Thanh An (huyện Minh Long), Sơn Hạ, Sơn Thành (huyện Sơn Hà), Nghĩa Sơn (huyện Tư Nghĩa).

hiện đầu tư đối với các Dự án, Tiêu, dự án, nội dung thành phần đã được thực hiện trong thời gian qua, thể hiện được sự hiệu quả; trong năm 2023, phần đầu thực hiện tốt hơn, quyết tâm giải ngân 100% vốn đầu tư đã được giao góp phần thực hiện hiệu quả, bền vững Chương trình trên địa bàn tỉnh.

d) Đánh giá tác động đến các nhóm đối tượng thụ hưởng: Chương trình đã có những tác động tích cực đến các đối tượng thụ hưởng, nhất là người dân vùng DTTS, người nghèo, cận nghèo; tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo: Đầu năm 2022, toàn vùng đồng bào DTTS&MN có 23.099 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 35,64%; có 9.204 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 14,2% đến cuối năm, trong năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào DTTS và miền núi giảm 5,37% xuống còn 30,27% (đạt mục tiêu đề ra là 4%); tỷ lệ hộ cận nghèo là 13,99%; về giáo dục, tỷ lệ trẻ mầm non ra lớp đạt 92,96%; 100% trẻ DTTS được tăng cường tiếng Việt; 100% trẻ học 2 buổi/ngày và tỷ lệ được ăn tại trường tăng, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi giảm nhiều so với các năm trước; về y tế, 100% xã có trạm Y tế hoạt động, chất lượng cán bộ y tế cơ sở đã được nâng cao, cơ cấu cán bộ được đảm bảo 100% xã có bác sỹ, các thôn có nhân viên y tế thôn bản hoạt động; tỷ lệ hộ DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 78,3%; tỷ lệ hộ DTTS được sử dụng hố xí hợp vệ sinh đạt 53,2%; tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi ở trẻ em DTTS dưới 5 tuổi đạt 27,75%; tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt trên 98%; giữ vững thành quả thanh toán bệnh bại liệt, loại trừ uốn ván sơ sinh; giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em (tỷ suất tử vong trẻ em DTTS dưới 1 tuổi/1000 trẻ đẻ sống đạt 0,02; tỷ suất tử vong trẻ em DTTS dưới 5 tuổi/1000 trẻ đẻ sống đạt 0,51); Bản sắc văn hóa của đồng bào DTTS được giữ gìn và phát huy, thiết chế văn hóa được quan tâm đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa; các di tích văn hóa, lịch sử được quan tâm, bảo tồn; các hoạt động văn hóa, văn nghệ được tổ chức mang đậm bản sắc, đáp ứng nhu cầu văn hóa, tinh thần của người dân; nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. 95,5% thôn, tổ dân phố có nhà sinh hoạt cộng đồng. Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao diễn ra sôi nổi, rộng khắp. Công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc được quan tâm. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở vùng đồng bào DTTS&MN của tỉnh cơ bản được giữ vững và ổn định, không có vụ việc gây rối trật tự xã hội, không xảy ra những điểm nóng phức tạp; đồng bào các dân tộc chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương.

e) Đánh giá về công tác lồng ghép giới, thực hiện bình đẳng giới trong Chương trình.

Công tác bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị vùng DTTS&MN được xem là một trong những nội dung quan trọng, then chốt, tạo cơ hội cho phụ nữ phát huy trình độ năng lực, kinh nghiệm, thể hiện quan điểm trong quyết định các chính sách; thông qua đó, góp phần tạo nên nền tảng vững chắc cho việc thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực đời sống xã hội; phụ nữ đóng vai

trò ngày càng tích cực trong quá trình phát triển KTXH vùng DTTS&MN. Trong những năm qua, các đơn vị quản lý về lao động, việc làm, phát triển thị trường lao động đã kịp thời có các giải pháp để tạo sự bình đẳng cho lao động nữ trong quá trình tham gia vào thị trường lao động. Hiện nay, nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng, được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động...; bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm giữ các chức danh trong các ngành, nghề có tiêu chuẩn chức danh; các chính sách phát triển văn hóa - xã hội ngày càng được triển khai theo hướng tạo được nhiều cơ hội, bảo đảm việc tiếp cận thông tin và nhu cầu thưởng thức văn hóa, văn nghệ của phụ nữ, công tác tuyên truyền trợ giúp pháp lý cho phụ nữ đã được các cấp, các ngành quan tâm.

Bên cạnh đó, công tác phụ nữ và bình đẳng giới vẫn còn những hạn chế do một số hủ tục và nhận thức một số người dân vùng đồng bào DTTS như: Phải có con trai để nối dõi; không được tham gia họp bàn, quyết định hay được làm những công việc có ý nghĩa trọng đại ở gia đình cũng như trong cộng đồng; việc tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản của phụ nữ vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số còn hạn chế, tỷ lệ nữ có bảo hiểm y tế (tính trong số người khám chữa bệnh) tuy tăng lên qua các năm nhưng thấp hơn nam giới; tình trạng tảo hôn ảnh hưởng không nhỏ đến sức khỏe, đời sống của những em gái, hiện tượng tái mù chữ còn xảy ra khá phổ biến, nhất là ở một số địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa; định kiến giới còn tồn tại trong nhân dân (nhất là vùng nông thôn, vùng miền núi) gây khó khăn trong việc triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới tại địa phương.

f) Đánh giá về sự tham gia; sự hài lòng của người dân, các đối tượng hưởng lợi đối với Chương trình: Ngày 22/9/2022, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 150/KH-UBND về việc truyền thông thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2025; trên cơ sở đó, các Sở ngành tỉnh và UBND các huyện đã ban hành kế hoạch truyền thông thực hiện Chương trình. Trong thời gian qua, Ban Dân tộc tỉnh, UBND các huyện đã chủ động, phối hợp triển khai công tác tuyên truyền thường xuyên, rộng khắp bằng nhiều hình thức trực quan như pa nô, phóng sự trên đài truyền hình, trang tin trên Báo Quảng Ngãi, tuyên truyền trên các Hội nghị..., đại đa số người dân được tiếp cận, hiểu biết thông tin và đồng thuận cao trong việc tham gia thực hiện Chương trình, góp phần vào thành công chung của Chương trình trên địa bàn tỉnh.

5. Đánh giá chung

a) Kết quả nổi bật đã đạt được: Việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các cấp chính quyền địa phương. Ban Dân tộc tỉnh cùng các Sở, ngành, địa phương đã chủ động, tích cực tham mưu cho UBND tỉnh trong việc thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh và đạt được những kết quả tích cực; UBND tỉnh đã quyết liệt, kịp thời chỉ

đạo triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh; giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành có liên quan tham mưu triển khai Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ, các Thông tư, văn bản hướng dẫn của các Bộ ngành Trung ương theo từng dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình. Đến nay, hầu hết các quy định, các văn bản pháp lý để triển khai thực hiện Chương trình thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND, UBND tỉnh đã được ban hành; các Sở, ban ngành và UBND các huyện đã triển khai thực hiện đạt được một số kết quả nhất định; trong năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào DTTS và miền núi giảm 5,37%, từ 35,64% xuống còn 30,27% (đạt mục tiêu đề ra là 4%); tỷ lệ hộ cận nghèo là 13,99%.

b) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tiến độ thực hiện Chương trình còn chậm, tỷ lệ giải ngân vốn trong năm 2022 rất thấp, chỉ đạt 46,83% kế hoạch vốn giao (*trong đó vốn đầu tư phát triển đạt 55,90% và vốn sự nghiệp đạt 29,71%*). Năm 2023, mới chỉ giải ngân được 4,9% vốn đầu tư phát triển, chưa giải ngân vốn sự nghiệp.

- Nội dung của Chương trình mang quan điểm đầu tư tổng thể, các dự án, tiểu dự án và nội dung của Chương trình rất đa dạng về nội dung, hình thức triển khai; một số nội dung lần đầu tiên thực hiện do đó dẫn tới sự lúng túng, chậm trễ trong việc tổng hợp, xây dựng kế hoạch; tiến độ thực hiện các nội dung của Chương trình còn chậm.

- Các cơ quan Trung ương chậm ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện; một số văn bản hướng dẫn chưa rõ ràng, thiếu đồng bộ giữa các văn bản của các Bộ ngành. Nhiều vướng mắc trong thực hiện các nội dung của Chương trình đến nay chưa được các Bộ ngành Trung ương hướng dẫn cụ thể hoặc sửa đổi các văn bản quy định để thực hiện.

- Hiện nay một số cơ chế, chính sách thuộc các dự án vẫn chưa được Trung ương ban hành để triển khai thực hiện như: Cơ chế đặc thù thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình (*hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất*) và không theo dự án đầu tư của Dự án 1; cơ chế quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển để đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý của dự án 3; quy định hình thức cho vay, định mức cho vay, thời gian cho vay và lãi suất vay đối với nội dung hỗ trợ cho các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn của dự án 9; nội dung đầu tư thực hiện chuyển đổi số trong thực hiện Chương trình và nội dung “Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự” của Tiểu dự án 2, dự án 10.

- Tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo, nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ thực hiện Chương trình các cấp thuộc Dự án 5 chưa được Ủy ban Dân tộc ban hành.

- Nguồn vốn sự nghiệp của Chương trình giai đoạn 2021-2025 chưa được Trung ương thông báo cho tỉnh nên gặp nhiều khó khăn trong việc xây dựng kế hoạch sử dụng vốn sự nghiệp thực hiện chương trình cả giai đoạn,

nhất là việc lựa chọn, xác định các dự án thực hiện có thời gian thực hiện trong nhiều năm.

- Một số Sở, ngành được giao nhiệm vụ chủ trì các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình nhưng chưa thực hiện nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, hướng dẫn thực hiện và tổng hợp kết quả thực hiện chung của Dự án, Tiểu dự án, Nội dung thành phần theo quy định tại Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 và Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 29/01/2023 của UBND tỉnh mà chỉ theo dõi, báo cáo đối với phần nhiệm vụ được UBND tỉnh giao vốn cho đơn vị mình trực tiếp thực hiện.

- UBND các huyện thực hiện Chương trình còn gặp nhiều lúng túng trong việc nghiên cứu, áp dụng triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn của Trung ương và tỉnh; chưa có giải pháp để đổi mới cách làm nhằm nâng cao hiệu quả của Chương trình. Trong năm 2022, hầu hết các huyện chưa bố trí vốn đối ứng từ ngân sách huyện để thực hiện Chương trình.

c) Bài học kinh nghiệm

- Cấp uỷ, chính quyền các cấp phải quán triệt đầy đủ trách nhiệm và vai trò lãnh đạo của mình; phải huy động cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội, doanh nghiệp, người dân cùng chung tay, tạo ra sự đồng thuận, động lực mạnh mẽ để thực hiện thành công Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước; thực hiện tốt công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng; thực hiện hành tiết kiệm chống lãng phí; đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công vụ; đẩy mạnh công tác hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tiến độ triển khai thực hiện Chương trình; tăng cường chuyên đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành.

- Chương trình được thực hiện trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN, nơi có xuất phát điểm nền kinh tế thấp, đời sống người dân gặp nhiều khó khăn; trình độ, nhận thức của người dân còn có những hạn chế nhất định. Do vậy, việc thực hiện Chương trình cần phải kiên trì, quyết tâm thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; tránh chủ quan, nóng vội, bệnh thành tích.

- Việc đánh giá hiệu quả của Chương trình, cần đề cao vai trò của người dân, người dân phải có ý chí tự lực, tự cường vươn lên cùng với sự đồng hành hỗ trợ của nhà nước và cộng đồng xã hội để thoát nghèo; cùng chung tay với thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Chương trình đã đề ra, quyết định đến sự hiệu quả, bền vững của Chương trình.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm về công tác dân tộc trong đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân tộc và cộng đồng người dân vùng đồng bào DTTS, nhất là về Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 –2025.

- Thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo kịp thời, chính xác để phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; tăng cường mối quan hệ công tác giữa Ban Dân tộc và UBND các huyện trong việc phối hợp triển khai thực hiện cũng như phối hợp tham mưu cấp trên tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

II. CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

Để triển khai thực hiện thuận lợi nhiệm vụ của Chương trình, Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị các Bộ, ngành Trung ương:

1. Kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Tham mưu Chính phủ thông báo kế hoạch vốn sự nghiệp giai đoạn 2021 – 2025 cho các địa phương để chủ động trong việc xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung của Chương trình, nhất là các nội dung hỗ trợ thực hiện các dự án có chu kỳ hỗ trợ dài như hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý.

- Trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 27/2022/NĐ-CP, trong đó bổ sung một số cơ chế gồm: (1) Quy định cơ chế đặc thù thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình và không theo dự án đầu tư được quy định tại Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ; (2) Quy định cơ chế đặc thù quản lý thực hiện nguồn vốn đầu tư của dự án dược liệu quý theo Quyết định 1719/QĐ-TTg hoặc quy định cho phép áp dụng cơ chế hỗ trợ tại Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đối với dự án này.

2. Kính đề nghị Bộ Y tế:

Tại Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và tại điểm d khoản 3 Điều 12 Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ Y tế quy định: “Hỗ trợ kinh phí đầu tư để cải tạo xây dựng cơ sở chế biến dược liệu quý để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện nước, nhà xưởng và mua trang thiết bị trong hàng rào dự án”. Tuy nhiên, hiện nay các dự án này chưa có cơ sở chế biến dược liệu quý theo quy định của Chương trình nên không thể thực hiện đầu tư để cải tạo xây dựng cơ sở chế biến dược liệu quý mà chủ yếu là đầu tư, xây dựng mới cơ sở chế biến dược liệu quý. Vì vậy, kính đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung “Hỗ trợ kinh phí đầu tư, cải tạo xây dựng cơ sở chế biến dược liệu quý để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện nước, nhà xưởng và mua trang thiết bị trong hàng rào dự án” vào Quyết định 1719/QĐ-TTg và Thông tư số 10/2022/TT-BYT để thực hiện.

3. Kính đề nghị Ủy ban Dân tộc:

- Tại nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg chỉ quy định hỗ trợ nguyên liệu, giống cây, con, vật tư kỹ thuật; không quy định hỗ trợ trang thiết bị, máy móc, dụng cụ sản xuất nên khó khăn cho việc triển khai thực hiện các dự án sản xuất theo chuỗi bổ sung

nội dung hỗ trợ trang thiết bị, máy móc, dụng cụ sản xuất đối với các dự án sản xuất theo chuỗi giá trị vào Quyết định số 1719/QĐ-TTg hoặc cho áp dụng Thông tư 53/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Chương trình nông thôn mới (cho phép áp dụng cơ chế hỗ trợ cho HTX *(trong chuỗi)* theo Nghị định 58/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đối với các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình.

- Ban hành tài bộ tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo, nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ thực hiện Chương trình thuộc Tiểu dự án 2 và Tiểu dự án 4, Dự án 5.

- Đối tượng thực hiện Nội dung Đào tạo đại học và sau đại học bị thu hẹp do quy định tại khoản 2 Điều 47 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc chỉ quy định đối tượng là sinh viên học tại các cơ sở giáo dục đại học được tiếp nhận sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học; hiện nay, đối học sinh học dự bị đại học trên địa bàn tỉnh rất ít nên gặp rất nhiều khó khăn trong việc triển khai thực hiện và giải ngân vốn. Kính đề nghị điều chỉnh đối tượng thụ hưởng trong Thông tư 02/2022/TT-UBND phù hợp với đối tượng quy định trong Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

- Ban hành văn bản quy định hình thức cho vay, định mức cho vay, thời gian cho vay và lãi suất vay đối với nội dung hỗ trợ cho các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn.

- Hướng dẫn cụ thể nội dung chuyển đổi số thực hiện Chương trình thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 10 để các địa phương thực hiện phù hợp, đồng bộ với Đề án do Ủy ban Dân tộc đang xây dựng nhằm nâng cao hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện Chương trình với các cơ quan Trung ương. Đề nghị Ủy ban Dân tộc sớm hoàn thành phần mềm báo cáo Chương trình để triển khai thực hiện.

- Ngày 29/3/2023, Bộ Tài chính có văn bản số 2807/BTC-HCSN trả lời vướng mắc trong thực hiện Chương trình có nêu về việc sử dụng nguồn kinh phí Tiểu dự án 3 - Dự án 10 để chi cho các hoạt động liên quan đến quản lý Chương trình nhưng chưa được quy định tại Quyết định 1719 /QĐ-TTg, vì vậy kinh phí quản lý thực hiện từ nguồn kinh phí tự chủ của cơ quan thực hiện. Tuy nhiên, hiện nay biên chế của Ban Dân tộc tỉnh rất ít (khoảng trên dưới 20 người) nên rất khó khăn trong thực hiện. Bổ sung quy định nội dung quản lý thực hiện Chương trình vào Tiểu dự án 3, Dự án 10 tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg hoặc có văn bản đề nghị Bộ Tài chính sớm ban hành văn bản hướng dẫn và quy định kinh phí chi cho các hoạt động: Hội nghị, Hội thảo, chi mua sắm trang thiết bị, văn phòng phẩm phục vụ Chương trình do ngân sách địa phương bố trí trong dự toán hằng năm cho cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ.

4. Kính đề nghị Bộ Tài chính:

- Tại điểm a, khoản 5, Điều 14, Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài Chính quy định: “Chi tổ chức các hoạt động xúc tiến,

thu hút đầu tư, kết nối tiêu thụ sản phẩm, các phiên chợ văn hóa, hội chợ, giao lưu, diễn đàn, các lễ hội gắn thương mại với du lịch: Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư này và thực tế phát sinh theo các hóa đơn, chứng từ hợp pháp”; tuy nhiên, đối chiếu tại Điều 4 của Thông tư này không quy định rõ các hoạt động xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư và các mức chi cho các hoạt động này. Kính đề nghị Bộ hướng dẫn rõ nội dung và mức chi cho các hoạt động xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư; hướng dẫn thủ tục thanh, quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ xây dựng mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh.

- Tại Điều 11, Điều 13 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài Chính không quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và dự án hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý nên các cơ quan quản lý các dự án này không có kinh phí để thực hiện (nhất là chi cho các hoạt động thẩm định dự án). Kính đề nghị Bộ bổ sung nội dung chi và mức chi cho hoạt động quản lý.

5. Kính đề nghị Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch: Hướng dẫn cụ thể tiêu chí nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số (tại khoản 4, mục II) và nội dung tổ chức Ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số cấp tỉnh, cấp huyện, xã (khoản 12, mục II) tại Hướng dẫn số 677/HD-BVHTTDL ngày 03/3/2022 của Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch về hướng dẫn thực hiện dự án “bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030.

6. Kính đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông: Hướng dẫn thực hiện nội dung “Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự” của Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Dự án 10.

Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo Ủy ban Dân tộc, UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc;
- UBND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, TC, NN và PTNT, LĐ-TB&XH, GDĐT, VH-TT và DL, YT.
- UBND các huyện: Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Bình Sơn, Tư Nghĩa và Nghĩa Hành;
- Lãnh đạo Ban;
- Các Phòng thuộc Ban;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thế Nhân